

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ qq
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **15 /2021/DS-ST**

Ngày: 14/9/2021

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ qq - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Hải**

2. Bà **Lò Thị Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà Thào Thị Thu Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố qq tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLST- DS ngày 24/12/2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-DS ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ph;** địa chỉ: Tổ dân phố ww, ee phường rr, thành phố qq, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt*).

Bị đơn: Ông **Phạm Phú Tr;** địa chỉ: Tổ dân phố tt, phường yy, thành phố qq, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 29/02/2020, bà P có cho ông Phạm Phương Trừ vay số tiền 654.000.000 đồng; hai bên có viết Giấy vay tiền thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 31/3/2020, ông Tr phải trả hết cho bà P khoản tiền trên, lãi suất theo lãi ngân hàng nhưng không ghi vào giấy vay tiền mà hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Kể từ khi đến hạn trả tiền vay cho đến nay, ông Tr không trả cho bà P số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận mặc dù bà P đã yêu cầu ông Tr thanh toán khoản tiền trên nhiều lần.

Bà Phương đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Phú Tr trả cho bà Phương tổng số tiền là 719.400.000 (*Bảy trăm mười chín triệu, bốn trăm nghìn*) đồng, trong đó: tiền gốc là 654.000.000 đồng; tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2020 là 65.400.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Phú Tr có ý kiến:

Ông Tr không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P vì ông Tr cho rằng ông không được nhận tiền mặt, mà khoản tiền 654.000.000 đồng là các khoản tiền lãi của các khoản vay mà ông Tr vay bà P trước đó và khoản tiền lãi của số tiền gốc 150.000.000 đồng do ông Tr nhận nợ hộ người khác. Ông Tr không nhất trí với khoản tiền lãi mà bà P đưa ra.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt: Bà P không rút yêu cầu khởi kiện mà đề nghị Tòa án buộc ông Tr trả cho bà số tiền gốc là 654.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc trên từ thời điểm 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định, cụ thể: Số tiền lãi của 654.000.000 đồng, lãi tháng 654.000.000 đồng x 0,83 % /tháng x 17 tháng = 92.279.400 đồng; lãi ngày 654.000.000 đồng x 0,027 % /ngày x 13 ngày = 2.295.540 đồng . Tổng số tiền lãi do chậm trả là 94.574.940 đồng (Làm tròn là 94.575.000 đồng).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng (*trừ bị đơn*) đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về số tiền gốc là 654.000.000 đồng đối với ông Phạm Phú Tr, cụ thể: Buộc ông Phạm Phú Tr có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc đã vay là 654.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về số tiền lãi do chậm trả đối với số tiền gốc 640.000.000 đồng mà ông Phạm Phú Tr đã vay, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/4/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 16/02/2020, bà Nguyễn Thị P nộp đơn khởi kiện vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" tại Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên đối với ông Phạm Phú Tr có địa chỉ tại phường Nam T, thành phố qq, tỉnh Điện Biên. Sau khi bà P nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ngày 16/3/2020, Tòa án đã thụ lý vụ án theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự (Sau đây ghi tắt là BLTTDS).

Về thẩm quyền giải quyết, mỗi quan hệ pháp luật phải giải quyết và thời hiệu khởi kiện và các vấn đề khác:

Quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" thụ lý giữa bà Ph và ông Tr; ông Tr có địa chỉ tại thành phố qq, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi tiền gốc và tiền lãi do chậm trả tiền số tiền gốc của nguyên đơn theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLDS năm 2015).

Ông Phạm Phú Tr đã được Tòa án nhân dân thành phố qq triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, vì vậy căn cứ quy định tại Điều 207 của BLTTDS, vụ án không thể tiến hành hòa giải được đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ra văn bản thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp thì ngày 29/02/2020, ông Phạm Phú Tr và bà Nguyễn Thị P cùng tham gia ký kết hợp đồng dân sự ngày 29/02/2020 với nội dung: Các bên thống nhất về việc vay, nợ số tiền 640.000.000 đồng và việc thanh toán khoản tiền trên có hiệu lực pháp luật, bởi lẽ: Các bên tham gia ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; ký kết hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức giao dịch theo quy định của pháp luật dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 29/02/2020, bà Nguyễn Thị P có ký Hợp đồng dân sự với ông Phạm Phú Tr với nội dung: ông Tr vay của bà P số tiền gốc 640.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là ngày 31/3/2020. Hai bên không thỏa thuận tiền lãi. Hết thời hạn trả nợ, mặc dù bà P đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Tr vẫn không thanh toán số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 385, 398, 399, 400, 401, 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông Phạm Phú Tr có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc đã vay là 654.000.000 (*Sáu trăm năm mươi tư triệu*) đồng.

Ngoài ra, bà P còn yêu cầu ông Tr trả khoản tiền lãi do chậm trả của số tiền 654.000.000 đồng, theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày

01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2021, cụ thể: Số tiền lãi của 654.000.000 đồng, lãi tháng 654.000.000 đồng x 0,83 % /tháng x 17tháng = 92.279.400 đồng; lãi ngày 654.000.000 đồng x 0,027 % /ngày x 13 ngày = 2.295.540 đồng .Tổng số tiền lãi do chậm trả là 94.574.940 đồng (Làm tròn là 94.575.000 đồng).

Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Tại khoản 4 Điều 466 BLDS năm 2015 quy định:

..... 4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Do ông Tr chậm trả khoản tiền gốc trên cho bà P nên yêu cầu của bà P là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về khoản tiền lãi do chậm trả đối với ông Tr, cụ thể: Buộc ông Tr có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền lãi do chậm trả số tiền 654.000.000 đồng tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 14/9/2021 là 94.575.000 (Chín mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Về án phí, chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định của pháp luật, cụ thể: 20.000.000 đồng + (348.575.000 đồng x 4% = 13.943.000đồng) = 33.943.000 (Ba mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn) đồng .

- Do yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị P là có căn cứ nên ông Phạm Phú Tr phải chịu 9.100.000 (Chín triệu, một trăm nghìn) đồng tiền chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244; 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1, 2 Điều 357, Điều 385, 398, 399, 400, 401, 429 Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 147, 159, 160, 161 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, cụ thể:

Buộc ông Phạm Phú Tr có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 748.575.000 (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng.

Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà P cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng ông Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- Án phí: Ông Phạm Phú Tr phải chịu 33.943.000 (*Ba mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại bà P số tiền 16.388.000 (*Mười sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2020/ 0000429 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố qq, tỉnh Điện Biên.

- Chi phí tố tụng: Ông Phạm Phú Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 9.100.000 (*Chín triệu một trăm nghìn*) đồng tạm ứng chi phí giám định đã nộp theo phiếu thu ngày 27/7/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố qq;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP qq;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Định